

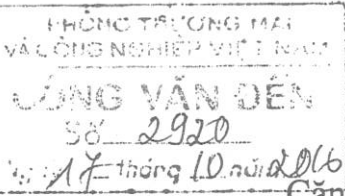
Số: **3189/QĐ-UBND**

Vĩnh Phúc, ngày **11** tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Ban PC
Vch
17/10/16
Căn cứ Nghị Quyết số 19-NQ/CP ngày 18/3/2014 của Chính phủ Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nghị Quyết số 19-NQ/CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số giải pháp cơ bản cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2021;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 2325/SKHĐT-KTĐN ngày 20 tháng 9 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án Cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020 (gọi tắt là Đề án) với những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu:

Cải thiện môi trường đầu tư, thu hút mọi thành phần kinh tế đầu tư sản xuất kinh doanh, phấn đấu đạt chỉ tiêu đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra, cụ thể: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 7-7,5%; tổng sản phẩm nội tỉnh đến 2020 bằng 1,5-2,0 lần so với năm 2015; Giai đoạn 2016-2020, thu hút mới 1,3-1,5 tỷ USD vốn đăng ký từ các dự án FDI và 14-15 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký dự án DDI, phấn đấu đến năm 2020 có 10 nghìn doanh nghiệp.

Phấn đấu trở thành một trong những tỉnh có môi trường đầu tư tốt nhất cả nước, một điểm hấp dẫn của nhà đầu tư trong nước và ngoài nước.

Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tiếp tục cải thiện điểm của các chỉ số thành phần, duy trì vị trí xếp hạng PCI của tỉnh trong nhóm 10 địa phương tốt nhất cả nước.

2. Yêu cầu:

a) Tạo được sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức về ý nghĩa, tầm quan trọng của cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Vĩnh Phúc; về trách nhiệm của các cấp, các ngành và cán bộ công chức trong việc cải thiện môi trường đầu tư nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

b) Các ngành, các cấp tập trung chỉ đạo quyết liệt bằng các giải pháp phải thực hiện có kết quả để cải thiện môi trường đầu tư, thông qua việc duy trì những chỉ số thành phần có vị trí cao, tăng bậc và cải thiện các chỉ số thành phần có vị trí xếp hạng thấp như: Gia nhập thị trường, Hỗ trợ doanh nghiệp, tiếp cận đất đai, tính minh bạch.

3. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

Bao gồm 12 nhiệm vụ và giải pháp chung và nhiệm vụ cụ thể cho 10 chỉ số thành phần, nội dung cụ thể được thể hiện trong Đề án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Từng sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động nhằm cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực, địa bàn quản lý, xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp thực hiện cụ thể và phân công người chịu trách nhiệm từng phần việc; Phân công đầu mối thường trực theo dõi, đánh giá, tổng hợp tình hình triển khai Đề án thời gian hoàn thành trước 30 tháng 10 năm 2016.

2. Các cơ quan, đơn vị từ Tỉnh xuống đến Xã có trách nhiệm quán triệt, phổ biến Đề án đến toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan mình ngay trong tháng 11 năm 2016.

3. Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh, Hội doanh nhân nữ tỉnh, Hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài có trách nhiệm phổ biến Đề án tới hội viên và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Ban chỉ đạo đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, các địa phương thực hiện Đề án; tổ chức kiểm tra theo định kỳ và đột xuất để đảm bảo việc thực hiện được nghiêm túc, đồng bộ trên toàn địa bàn tỉnh.

5. Các sở, ban, ngành, địa phương phải thực hiện Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh 6 tháng và hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của UBND tỉnh, của Ban chỉ đạo tỉnh. Đối với báo cáo 6 tháng gửi vào ngày 25 của tháng 6, báo cáo năm gửi vào ngày 20 tháng 12. Hàng năm, các cấp, ngành phải có báo cáo đánh giá về trách nhiệm của ngành mình, cấp mình, của người đứng đầu đối với các chỉ số.

6. Giao Sở Tài chính chỉ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện các nội dung Đề án.

7. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ của Đề án đã được phân công cho các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị; báo cáo Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân tỉnh và UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Các tổ chức đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c)
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CPCT;
- CPVP;
- Như điều 3;
- VCCI;
- Hiệp hội DN tỉnh, Hội doanh nghiệp nữ tỉnh, Hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh, IPA;
- Đài PTTH Vĩnh Phúc, Báo Vĩnh Phúc;
- Công Thông tin-giao tiếp điện tử Vĩnh Phúc;
- CV:NCTH;
- Lưu: VT.

(756)



Nguyễn Văn Trì

ĐỀ ÁN

Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất

GIỚI THIỆU VỀ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH, MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CỦA TỈNH VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH ĐỀ ÁN

I. GIỚI THIỆU VỀ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH

1. Khái niệm và các chỉ số cấu thành PCI

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh gọi tắt là PCI (Provincial Competitiveness Index) là chỉ số đo lường và xếp hạng chất lượng điều hành kinh tế của chính quyền các địa phương dựa trên môi trường kinh doanh và chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân thông qua cảm nhận của các doanh nghiệp dân doanh. PCI là kết quả hợp tác nghiên cứu giữa Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ từ năm 2005.

PCI gồm 10 chỉ số thành phần, phản ánh các lĩnh vực điều hành kinh tế có tác động đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Một địa phương được coi là có chất lượng điều hành tốt khi có: 1) chi phí gia nhập thị trường thấp; 2) tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định; 3) môi trường kinh doanh minh bạch và thông tin kinh doanh công khai; 4) chi phí không chính thức thấp; 5) thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng; 6) môi trường cạnh tranh bình đẳng; 7) chính quyền tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp; 8) dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, chất lượng cao; 9) chính sách đào tạo lao động tốt; và 10) thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả.

2. Phương pháp luận PCI

PCI được xây dựng theo quy trình 3 bước, gồm: (i) Thu thập thông tin từ dữ liệu điều tra doanh nghiệp tư nhân Việt Nam và các nguồn dữ liệu công bố khác, (ii) Tính toán 10 chỉ số thành phần và chuẩn hóa trên thang điểm 10, và (iii) Gán trọng số và tính điểm số PCI tổng hợp gồm điểm trung bình của 10 chỉ số thành phần trên thang điểm tối đa 100.

Biểu 1: Trọng số của các chỉ số thành phần:

TT	Chỉ số thành phần	Trọng số
1	Chi phí gia nhập thị trường	5%
2	Tiếp cận đất đai	5%
3	Tính minh bạch	20%
4	Chi phí thời gian	5%
5	Chi phí không chính thức	10%
6	Tính năng động và tiên phong	5%
7	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	20%
8	Cạnh tranh bình đẳng	5%

9	Đào tạo lao động	20%
10	Thiết chế pháp lý	5%
	Số tỉnh điều tra	63/63

3. Ý nghĩa và vai trò của PCI

PCI là một nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện chính sách của địa phương đối với khu vực kinh tế tư nhân chủ yếu dựa trên những cảm nhận của chính các doanh nghiệp dân doanh được điều tra. Như ý kiến của các nhà nghiên cứu, chỉ số PCI không chỉ nhằm xếp hạng thứ tự các tỉnh, thành, mà tìm ra “nguyên nhân tại sao trên cùng một quốc gia, một số tỉnh lại vượt trội hơn những tỉnh khác về tốc độ tăng trưởng kinh tế và sự phát triển năng động của khu vực Kinh tế tư nhân”.

Ý nghĩa của PCI được thể hiện trên các khía cạnh sau:

- PCI đo lường chất lượng điều hành chứ không phải mức độ phát triển kinh tế địa phương. PCI cho phép so sánh các tỉnh, thành ở các mức độ khác nhau một cách tương đối bình đẳng.

- PCI đo lường chất lượng thực tế điều hành kinh tế của địa phương thông qua cảm nhận của các doanh nghiệp đang hoạt động tại tỉnh chứ không phải dựa vào các kế hoạch, chính sách hay dự định của tỉnh.

- PCI đo lường những chính sách thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương, qua đó thúc đẩy được các địa phương thực hiện tốt hơn; Giúp Chính phủ giám sát, đánh giá được việc thực hiện các chính sách trên thực tế.

Hiện nay, PCI được công nhận rộng rãi là công cụ có vai trò giúp:

- Đối với địa phương: PCI giúp hệ thống chính trị, chính quyền nhận ra được điểm mạnh, điểm yếu của mình trong công tác điều hành kinh tế, tạo áp lực thúc đẩy cải cách; chỉ ra những sáng kiến, chính sách tốt của các tỉnh để tham khảo, học hỏi; tạo động lực cho thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp; xem xét đánh giá chất lượng quản lý điều hành của các cơ quan nhà nước, công tác cải cách hành chính, chất lượng đội ngũ cán bộ nhằm xây dựng nền công vụ và đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Đối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư có được môi trường kinh doanh, đầu tư thuận lợi thông qua cải cách của địa phương, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài không có nhiều thông tin về các địa phương sẽ tham khảo PCI trước khi quyết định đầu tư.

Vì thế, PCI được xem là “tiếng nói” quan trọng của các doanh nghiệp dân doanh về môi trường kinh doanh địa phương, là kênh thông tin tham khảo tin cậy về địa điểm đầu tư, là một động lực cải cách quan trọng đối với môi trường kinh doanh cấp tỉnh.

II. GIỚI THIỆU MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ TỈNH VĨNH PHÚC

Vĩnh Phúc là tỉnh có diện tích tự nhiên 1.237,5 km², với địa hình chia làm ba vùng sinh thái rõ rệt: đồng bằng, trung du và vùng núi tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh bố trí các loại hình sản xuất đa dạng. Vùng đồi núi với diện tích 65,3 nghìn ha có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, như: Tam Đảo, khu danh

thắng Tây Thiên,... cùng với nhiều di sản lịch sử văn hóa được xếp hạng, phục vụ phát triển du lịch như: Tháp Bình Sơn, đền thờ Quốc Mẫu Tây Thiên, di chỉ khảo cổ Đồng Đậu, cùng nhiều tài nguyên du lịch có giá trị khác. Vì vậy, Vĩnh Phúc có nhiều tiềm năng trong phát triển các lĩnh vực du lịch có thể mạnh như: du lịch lễ hội và tín ngưỡng; du lịch sinh thái; du lịch danh thắng và nghỉ dưỡng,... Vùng trung du với diện tích 24,9 nghìn ha, có độ dốc vừa phải, có quỹ đất lớn có nhiều tiềm năng cho việc phát triển cây lâm nghiệp, cây ăn quả, trang trại vườn rừng, cây công nghiệp ngắn ngày và chăn nuôi đại gia súc. Nhất là tiềm năng phát triển các khu công nghiệp. Vùng đồng bằng với 32,7 nghìn ha, đất đai bằng phẳng có tiềm năng lớn cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp phục vụ ngành công nghiệp chế biến nông sản tại Vĩnh Phúc.

Vĩnh Phúc là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ, nằm trong 3 vùng quy hoạch: Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng và Vùng Thủ đô. Tỉnh Vĩnh Phúc nằm ở vị trí địa lý của nhiều nút giao thông quan trọng là đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường thủy toả đi khắp đất nước; thuận lợi trên trục phát triển kinh tế của Việt Nam và trở thành một bộ phận cấu thành của vành đai phát triển công nghiệp các tỉnh phía Bắc Việt Nam. Vĩnh Phúc đang sở hữu những tiềm năng rất lớn cho phát triển kinh tế - xã hội.

Vĩnh Phúc có nguồn lao động dồi dào, mỗi năm tỉnh có trên 1 vạn người bước vào độ tuổi lao động; tình hình kinh tế xã hội ổn định, an ninh được giữ vững; có hệ thống các ngân hàng thương mại hoạt động hiệu quả, tiện lợi cho các nhà đầu tư. Đồng thời, trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc có một số trường đại học, cao đẳng của Trung ương đóng trên địa bàn, tỉnh đã quy hoạch khu đô thị đại học để thu hút các trường đại học của Trung ương về xây dựng cơ sở đào tạo tại tỉnh, mở ra một lợi thế về hợp tác nghiên cứu và cung cấp nguồn lao động có trình độ khoa học kỹ thuật cao cho việc đầu tư phát triển.

Với vị thế địa lý - giao thông thuận lợi, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, nguồn tài nguyên thiên nhiên du lịch giàu tiềm năng, tài nguyên nhân văn giá trị lịch sử văn hóa phong phú, nguồn lao động giàu tiềm năng và một số loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng phát triển tạo điều kiện cho tỉnh Vĩnh Phúc được đánh giá là tỉnh có nhiều lợi thế so sánh khu vực về kinh tế - xã hội, văn hóa - du lịch.

Vĩnh Phúc lựa chọn phát triển công nghiệp là nền tảng, là động lực phát triển kinh tế - xã hội; hiện nay tỉnh Vĩnh Phúc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển 19 Khu công nghiệp với diện tích gần 6.000 ha và phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc đến năm 2030 và tầm nhìn 2050. Quy hoạch đã định hướng cho sự phát triển bền vững, hướng tới một thành phố Vĩnh Phúc, đô thị vệ tinh của Hà Nội. Để thực hiện định hướng và mục tiêu trên, tỉnh Vĩnh Phúc đã và đang đẩy mạnh các hoạt động chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội theo cả chiều rộng và chiều sâu. Trong những năm vừa qua Tỉnh đã có những nỗ lực rất lớn trong cải thiện môi trường đầu tư. Vĩnh Phúc không chỉ tập trung vào đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu mà còn tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tỉnh Vĩnh Phúc đã thành lập Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư (IPA Vĩnh Phúc) – cơ quan

đầu mối về xúc tiến, hỗ trợ đầu tư; Thành lập Ban Giải phóng mặt bằng và Phát triển quỹ đất cấp tỉnh để giải phóng mặt bằng nhanh, tạo quỹ đất sạch cho các dự án; Ban hành nhiều chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, trong đó có chính sách hỗ trợ cho các dự án đầu tư vào các ngành công nghiệp hỗ trợ; Xây dựng và triển khai Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Tập trung vào giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư...

Hạ tầng kinh tế xã hội được tỉnh quan tâm đầu tư nâng cấp, tình hình chính trị ổn định, an ninh trật tự được giữ vững là điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư.

III. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH ĐỀ ÁN

1. Căn cứ xây dựng Đề án

1.1 Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Nghị quyết 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 và Nghị Quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nghị Quyết 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020; Nghị Quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

Căn cứ Nghị Quyết số 01-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số giải pháp cơ bản cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2021.

1.2 Căn cứ thực tiễn:

Căn cứ Kết quả thực hiện Đề án cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2013-2015; Việc triển khai xây dựng Đề án giai đoạn 2016-2020 trên cơ sở kế thừa những nội dung của Đề án cũ và có sự kết nối giữa PCI với Nghị quyết số 19-NQ/CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017 và định hướng đến năm 2020 là cần thiết. Việc tạo lập môi trường môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp phát triển là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền của tỉnh trong giai đoạn tới.

2. Sự cần thiết phải xây dựng Đề án

Trong những năm qua, tỉnh Vĩnh Phúc luôn chú trọng đến cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành bộ máy hành chính các cấp nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thuận lợi, hiệu quả, đúng pháp luật, góp phần tăng trưởng kinh tế. Kết quả PCI giai đoạn từ 2013-2015 tỉnh Vĩnh Phúc đã có sự cải thiện đáng ghi nhận qua các năm từ vị trí thứ 43 năm 2012, lên vị trí thứ 26 năm 2013, thứ 6 năm 2014 và năm 2015 xếp vị trí thứ 4 năm trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành “rất tốt”. Tuy các chỉ số thành phần cấu thành PCI của tỉnh xếp

thứ hạng cao, nhưng vẫn còn một số chỉ số như: Gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai, tính minh bạch có vị trí xếp hạng thấp, nên tính ổn định của PCI Vĩnh Phúc chưa cao, nếu tỉnh không thường xuyên, quyết liệt trong thực hiện các giải pháp mạnh mẽ, nguy cơ tụt hạng rất dễ xảy ra,...

Việc cải thiện PCI không còn là nỗ lực riêng của các địa phương mà chính thức trở thành yêu cầu từ Chính phủ. Kết quả triển khai thực hiện Đề án Cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2013-2015 khẳng định các cấp lãnh đạo chính quyền cần có những nỗ lực, quyết tâm và hành động cụ thể, quyết liệt để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và vị trí xếp hạng PCI. Do đó, việc xây dựng “Đề án Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020” là rất cần thiết.

Đề án được xây dựng trên cơ sở so sánh tương quan với cả nước và kế thừa kết quả của giai đoạn trước, qua đó nhận diện những mặt mạnh, những mặt còn hạn chế cần được cải thiện, tìm ra những giải pháp mạnh mẽ có tính đột phá, nhằm tạo ra sự chuyển biến trong công tác điều hành kinh tế - xã hội của tỉnh, từ đó nâng cao tính hấp dẫn của môi trường kinh doanh của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XVI.

Đề án được phê duyệt sẽ là cơ sở để UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện hàng năm nhằm duy trì tính kế thừa giai đoạn trước, đảm bảo sự ổn định của môi trường đầu tư; là công cụ để lãnh đạo tỉnh quản lý và kiểm soát được tình hình, chủ động và bài bản hơn trong phục vụ sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PCI GIAI ĐOẠN 2013-2015

I. THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ TỈNH VĨNH PHÚC GIAI ĐOẠN 2013-2015

Sau những sụt giảm mạnh chỉ số PCI giai đoạn 2010-2012 (năm 2012 xếp vị trí thứ 43/63 tỉnh thành) ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh. Nguyên nhân chính được xác định là sự kém năng động của các cấp, các ngành và ý thức trách nhiệm, tính linh hoạt của đội ngũ cán bộ, công chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp. Để kịp thời khắc phục những tồn tại hạn chế, yếu kém Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Kết luận số 33-KL/TU ngày 31/5/2013 yêu cầu UBND tỉnh thực hiện tốt 6 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chung và nhiệm vụ giải pháp cụ thể đã nêu trong Đề án Cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2013-2015 (Đề án PCI), trên cơ sở đó Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã chỉ đạo và ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Qua 03 năm triển khai thực hiện

Đề án PCI, tỉnh Vĩnh Phúc đã hoàn thành tốt mục tiêu Đề án “phấn đấu mỗi năm từ năm 2013-2014 tăng ít nhất 15-20 bậc, nằm trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành “tốt” và từ năm 2015 xếp trong nhóm 10 địa phương cao nhất trong cả nước, nằm trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành “rất tốt”. Kết quả PCI của tỉnh Vĩnh Phúc năm 2013 xếp thứ 26/63 tỉnh thành, năm 2014 xếp thứ 6/63 tỉnh thành, năm 2015 xếp thứ 4/63 tỉnh thành nằm trong nhóm 5 tỉnh dẫn đầu cả nước có chất lượng điều hành “rất tốt”.

Biểu 2: Các chỉ số thành phần của PCI Vĩnh Phúc, giai đoạn 2013-2015

TT	Chỉ số thành phần	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
1	Gia nhập thị trường	7.67	26	8.59	21	8.41	34
2	Tiếp cận đất đai	6.41	44	5.11	55	6.13	23
3	Tính minh bạch	6.28	9	6.56	9	6.49	19
4	Chi phí thời gian	6.62	23	6.61	29	7.48	12
5	Chi phí không chính thức	5.76	47	5.67	14	5.88	15
6	Tính năng động	5.38	37	5.16	13	5.78	7
7	Hỗ trợ doanh nghiệp	5.15	35	5.35	45	5.26	47
8	Đào tạo lao động	5.94	11	7.05	8	6.65	11
9	Thiết chế pháp lý	5.49	36	6.03	20	6.28	15
10	Cạnh tranh bình đẳng	5.14	38	4.94	36	5.65	12
11	Điểm số PCI	58.86		61.81		62.56	
12	Xếp hạng chung	26		6		4	
13	Nhóm xếp hạng	Khá		Tốt		Rất tốt	

Từ những số liệu thống kê trên, PCI của tỉnh sau 3 năm thực hiện Đề án PCI đã đạt được những thành công cụ thể như sau:

- Có 06 chỉ số thành phần đã được cải thiện về cả điểm số và thứ hạng (so với năm 2012) gồm: Chỉ số Tiếp cận đất đai xếp thứ 23/63, tăng 30 bậc và 0,35 điểm; Chỉ số Tính minh bạch xếp thứ 19/63, tăng 40 bậc và 1,69 điểm; Chỉ số Chi phí thời gian xếp thứ 12/63, tăng 11 bậc và 1,38 điểm; Chỉ số Tính năng động xếp thứ 7/63, tăng 51 bậc và 2,85 điểm; Chỉ số Đào tạo lao động xếp thứ 11/63, tăng 33 bậc và 1,32 điểm; Chỉ số Thiết chế pháp lý xếp 15/63, tăng 29 bậc và 3,11 điểm.

- Có 02 chỉ số thành phần giảm cả về vị trí xếp hạng và điểm số: Chỉ số Gia nhập thị trường xếp thứ 34/63, giảm 13 bậc và 0,64 điểm; Chỉ số Chi phí không chính thức xếp thứ 15/63, giảm 2 bậc và 1,34 điểm.

- Có 01 chỉ số tăng điểm nhưng giảm thứ hạng: Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp xếp thứ 47/63, giảm 14 bậc nhưng tăng 1,12 điểm.

- Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng được chính thức đưa vào bộ chỉ số PCI từ năm 2013; năm 2015 Chỉ số này của tỉnh xếp hạng 12/63, tăng 26 bậc và 0,51 điểm so với năm 2013.

Như vậy, sau 03 năm thực hiện Đề án, PCI của tỉnh chỉ có 02/10 chỉ số giảm điểm và 8/10 chỉ số tăng điểm. Nhìn chung, các chỉ số tăng điểm có mức tăng lớn cả về điểm số và thứ hạng, trong khi đó các chỉ số giảm điểm chỉ có mức giảm điểm và thứ hạng không lớn (*Có bảng tổng hợp kèm theo*).

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Các chỉ số có thứ hạng cao và đạt mục tiêu Đề án PCI

1.1. Chỉ số Tính năng động

Năm 2012 Chỉ số này xếp hạng thứ 58/63 tỉnh thành, mục tiêu: thực hiện cải thiện mạnh mẽ, tăng điểm số, phấn đấu trong nhóm 10 địa phương tốt nhất vào năm 2015. So với năm 2012 chỉ số này năm 2015 tăng 2,85 điểm và tăng 51 bậc so xếp vị trí thứ 7, đây là Chỉ số này có sự tăng thứ hạng cao nhất trong 10 chỉ số.

Chỉ số tính năng động của tỉnh Vĩnh Phúc được doanh nghiệp đánh giá rất cao: (1) 85% số doanh nghiệp được hỏi cho rằng UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân; (2) 73% số doanh nghiệp được hỏi cho rằng UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh...

(Các con số sử dụng phân tích các Chỉ số thành phần trong Đề án này lấy theo Kết quả điều tra của VCCI trong năm 2015 của tỉnh Vĩnh Phúc)

Nguyên nhân: Chỉ số này được cải thiện mạnh mẽ và chứng tỏ có sự chuyển biến tích cực trong công tác điều hành của lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức ở tất cả các cấp, các ngành. Hệ thống chính trị đã quan tâm hơn đến phát triển khu vực tư nhân, các vấn đề vướng mắc của khu vực này đã được chỉ đạo giải quyết tốt hơn, có sự phối hợp đồng bộ hiệu quả hơn trong giải quyết thủ tục hành chính, trình độ của cán bộ công chức ngày càng được cải thiện, tinh thần thái độ của các cấp các ngành có sự chuyển biến rõ rệt từ hành chính quản lý nhà nước sang hành chính vừa quản lý vừa phục vụ.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được cũng còn những tồn tại hạn chế theo đánh giá của doanh nghiệp: *Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành có đến 81,5% doanh nghiệp đồng ý với quan điểm này và 62,7% doanh nghiệp cho rằng Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện, cấp sở...*

Nguyên nhân: Một số cán bộ công chức chưa thật sự nắm vững các chính sách, quy định hiện hành của pháp luật để giải quyết khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp, chưa có thái độ tích cực trong việc triển khai, vận dụng các quy định của pháp luật cũng như quan tâm dành cho doanh nghiệp, nhiều cán bộ công chức còn thiếu tính quyết đoán khi xử lý công việc. Trong một số nhiệm vụ

chính quyền cấp cơ sở chưa thật sự có thái độ tích cực đối với những khó khăn của doanh nghiệp. Thái độ trong quan hệ công tác của các sở ngành đối với doanh nghiệp vẫn còn những phản ánh về biểu hiện gây cản trở và tiêu cực. Công tác phối hợp giữa các Sở ngành còn hạn chế, chất lượng chưa cao vẫn còn hiện tượng ỷ lại vào cơ quan chủ trì hoặc chưa làm hết trách nhiệm.

1.2. Chỉ số Đào tạo lao động

Năm 2012 chỉ số này đứng thứ hạng 44/63 tỉnh thành, mục tiêu trong Đề án là nằm trong top 20 địa phương tốt nhất vào năm 2015; So với năm 2012 chỉ số này năm 2015 tăng 1,32 điểm và 33 bậc xếp vị trí thứ 11.

Chỉ số này đã có nhiều sự cải thiện đáng ghi nhận đây là chỉ số có tỷ trọng lớn chiếm 20% của các chỉ số thành phần góp phần quan trọng trong việc cải thiện chỉ số PCI của Vĩnh Phúc trong năm 2015: (1) có 63,2% số doanh nghiệp đánh giá tốt hoặc rất tốt đối với chất lượng giáo dục phổ thông; (2) 98,4% số doanh nghiệp được hỏi hài lòng với chất lượng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng, (3) có 45,7% số lao động của doanh nghiệp đã hoàn thành khóa đào tạo tại các trường dạy nghề...

Nguyên nhân: Việc tăng điểm và thứ hạng của chỉ số thành phần này đã phản ánh sự cải thiện về mức độ và chất lượng các hoạt động đào tạo nghề và phát triển kỹ năng do tỉnh triển khai nhằm hỗ trợ cho các ngành công nghiệp địa phương, cũng như tìm kiếm việc làm cho lao động địa phương.

Tuy nhiên, qua thực tế doanh nghiệp đánh giá chưa cao chất lượng dịch vụ dạy nghề do các khu vực công của tỉnh cung cấp, hầu hết lao động chưa đáp ứng yêu cầu, hoặc đáp ứng một phần và phải đào tạo lại.

Chỉ có 34,75% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm, 31,7% doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ giới thiệu việc làm và chỉ có 36,6% doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm, tổng chi phí cho đào tạo và tuyển dụng lao động chiếm tới 9% tổng chi phí kinh doanh của doanh nghiệp, đây là con số rất đáng lo ngại.

Nguyên nhân: Các dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm mặc dù đã được quan tâm nhưng hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp nhất là khu vực do tư nhân cung cấp. Có thể đánh giá chất lượng đào tạo và giới thiệu việc làm chưa tốt, tình trạng lao động nhảy việc diễn ra phổ biến, dẫn đến doanh nghiệp phải bỏ ra nhiều chi phí hơn để đào tạo và tuyển dụng lao động. Việc tuyển dụng lao động cũng ngày càng khó khăn hơn nhất là các doanh nghiệp trong lĩnh vực sử dụng nhiều lao động. Việc tuyển dụng đội ngũ quản lý có trình độ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ để đáp ứng nhân sự cấp cao trong các doanh nghiệp vẫn còn rất khó khăn.

1.3. Chỉ số Thiết chế pháp lý

Năm 2012 Chỉ số này xếp hạng 44/63 tỉnh thành, mục tiêu trong Đề án là nằm trong top 20 địa phương tốt nhất vào năm 2015; So với năm 2012 chỉ số này năm 2015 tăng 3,11 điểm và 29 bậc xếp vị trí thứ 11.

Đây là một trong những chỉ số tăng cả điểm lẫn thứ hạng và có sự tăng hạng đều qua các năm, phản ánh lòng tin của doanh nghiệp đối với các thiết chế pháp lý của tỉnh, doanh nghiệp dần coi các thiết chế của tỉnh là công cụ hiệu quả để giải quyết tranh chấp, khiếu nại các hành vi những nhiễu của cán bộ công quyền tại tỉnh. *Có tới 84,5% số doanh nghiệp tin tưởng và khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng; 90% số doanh nghiệp tin tưởng rằng Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật; trên 70% doanh nghiệp tin tưởng vào phán quyết của tòa án...*

Nguyên nhân: Trong thời gian qua hệ thống pháp luật và tòa án đã thực hiện tương đối tốt chức năng nhiệm vụ của mình góp phần quan trọng vào sự tin tưởng của doanh nghiệp đối với thiết chế pháp lý của tỉnh.

Tuy nhiên một số vấn đề cần phải nhìn nhận khắc phục như: *chỉ có 38,5% số doanh nghiệp tin tưởng Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp doanh nghiệp tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ và có 43,8% số doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết tranh chấp.*

1.4. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

- Chỉ số này là chỉ số thành phần mới được áp dụng trong năm 2013 (Mục tiêu Đề án PCI không có chỉ số này). Thứ hạng của Vĩnh Phúc trong năm đầu tiên áp dụng chỉ số này là 38. Năm 2014, mặc dù giảm 0.22 điểm nhưng thứ hạng của tỉnh lại tăng 2 bậc lên vị trí thứ 36. Năm 2015 chỉ số này tăng 0,51 điểm và tăng 26 bậc so với năm với năm 2013 xếp vị trí thứ 12.

Chỉ số này đã được cải thiện hơn, thể hiện tỉnh đã quan tâm chỉ đạo hơn đối với các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp vừa và nhỏ so với các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp nhà nước, tổng công ty thông qua một loạt các giải pháp triển khai có hiệu quả Nghị quyết 04 của Tỉnh ủy về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Tuy nhiên, vẫn còn một số xu hướng cần phải xem xét để khắc phục trong thời gian tới theo kết quả khảo sát năm 2015 do VCCI công bố thì có trên 50% doanh nghiệp cho rằng tỉnh quan tâm thu hút đầu tư và ưu tiên giải quyết cho doanh nghiệp nước ngoài hơn là khu vực tư nhân trong nước; hợp đồng đất đai và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền; ưu đãi đối với doanh nghiệp lớn là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Các chỉ số có sự thăng hạng nhưng chưa đạt mục tiêu Đề án PCI

Một số chỉ số có sự cải thiện nhưng chưa đạt được mục tiêu Đề án: Chỉ số Tính minh bạch; Chỉ số Tiếp cận đất đai; Chỉ số Chi phí thời gian.

2.1. Chỉ số Tính minh bạch

Năm 2012 chỉ số này đứng thứ hạng 59/63 tỉnh thành, mục tiêu trong Đề án là nằm trong top 10 địa phương tốt nhất vào năm 2015; So với năm 2012 chỉ số này năm 2015 tăng 1,69 điểm và 40 bậc xếp vị trí thứ 19.

Nguyên nhân: việc thăng hạng của chỉ số này cho thấy tác động tích cực của chính quyền tỉnh trong việc thực hiện minh bạch hóa các loại tài liệu quy

hoạch, kế hoạch đã thuận lợi hơn, doanh nghiệp cũng dễ dàng hơn trong việc tiếp cận các văn bản pháp lý trên các trang website của các sở, ngành, cổng thông tin điện tử. Đảm bảo sự sẵn có của các văn bản này, đồng thời có thể dự đoán được các quy định và chính sách mới, có sự tham khảo ý kiến của các doanh nghiệp trước khi ban hành.

- Các văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và các quy trình thủ tục hành chính, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, cơ chế hỗ trợ khuyến khích đầu tư của tỉnh được công bố trên Cổng Thông tin – Giao tiếp điện tử (TTGTĐT) tỉnh và các Cổng thông tin của các Sở, ban, ngành, địa phương.

- Số lượng người truy cập Cổng thông tin – giao tiếp điện tử của tỉnh bình quân ngày giai đoạn 2013-2014 khoảng 2.833 lượt truy cập/ngày cao hơn rất nhiều so với năm 2012 thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp và người dân đối với các thông tin cung cấp.

- Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh được nâng cấp công nghệ và đưa vào hoạt động ổn định từ tháng 11/2013, đã cấp cho 7.884 hộp thư cho 100% cơ quan, địa phương và cán bộ công chức, viên chức các cấp (trừ viên chức thuộc ngành y tế, giáo dục). Tỷ lệ cán bộ sử dụng thư điện tử đạt trên 85%.

- Trang web của Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh sử dụng 05 ngôn ngữ thường xuyên đăng tải các thông tin về các dự án kêu gọi đầu tư, cơ hội đầu tư, các thủ tục đầu tư, các tin tức, sự kiện liên quan tới các hoạt động đầu tư của tỉnh. Đặc biệt, Cổng thông tin đối thoại doanh nghiệp – chính quyền tỉnh là nơi các cá nhân, doanh nghiệp hỏi, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình tới các cấp, sở, ban, ngành của tỉnh.

- Vai trò của Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh ngày càng được đánh giá cao hơn trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh (*trong năm 2013 có 30% số doanh nghiệp được hỏi đánh giá vai trò phản biện của Hiệp hội doanh nghiệp là quan trọng hoặc vô cùng quan trọng và tăng lên 50% năm 2015*).

Mặc dù đã có sự cải thiện mạnh mẽ trong năm 2013 và 2014, tuy nhiên năm 2015 Chỉ số này lại giảm, so với mục tiêu đề án vẫn chưa đạt mục tiêu đề ra.

Nguyên nhân: Đánh giá của doanh nghiệp về Khả năng tiếp cận tài liệu quy hoạch, tài liệu pháp lý vẫn còn ở mức thấp, cụ thể tiêu chí về tiếp cận các tài liệu quy hoạch dưới mức 3 điểm cho thấy doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các thông tin liên quan tới quy hoạch và mức điểm cũng tương tự với việc tiếp cận, tìm kiếm các tài liệu pháp lý. Các tiêu chí này có điểm số giảm qua 03 năm từ 2013 – 2015. Điều này thể hiện vẫn còn tình trạng thiếu minh bạch của các cơ quan quản lý về quy hoạch trong công bố các tài liệu này cũng như các tài liệu pháp lý liên quan khác.

- Các tiêu chí như “*Cần có mối quan hệ để có được các tài liệu của tỉnh*”, “*Thương lượng với cán bộ thuế là phân thiết yếu trong hoạt động kinh doanh*”, “*Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi của tỉnh đối với quy định của pháp luật của TW*” đều có xu hướng xấu đi; 75% doanh nghiệp cho biết họ cần

có mối quan hệ để có được các thông tin, tài liệu cần thiết của tỉnh và 51% doanh nghiệp cho biết cần có mối quan hệ nhất định với cán bộ thuế trong các hoạt động kinh doanh của mình. Tương tự, “*Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi của tỉnh đối với quy định của pháp luật của TW*” giảm từ 10,14% năm 2013 xuống 8,55% năm 2015.

- Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh đã được cải thiện nhưng vẫn chỉ ở mức thấp (dưới 35 điểm). Trong khi đó doanh nghiệp có nhu cầu tiếp cận thông tin của tỉnh ngày càng tăng cao, được thể hiện qua tỷ lệ doanh nghiệp truy cập vào website của tỉnh tăng từ 12% năm 2013 lên mức 71,09% năm 2015.

2.2 Chỉ số Chi phí thời gian

Năm 2012 chỉ số này đứng thứ hạng 23/63 tỉnh thành, mục tiêu trong Đề án là nằm trong top 10 địa phương tốt nhất vào năm 2015; So với năm 2012 chỉ số này năm 2015 tăng 1,38 điểm và 11 bậc xếp vị trí thứ 12.

Qua 03 năm triển khai thực hiện Đề án, Chỉ số này đã có sự cải thiện đáng ghi nhận. Nguyên nhân: Các thủ tục hành chính đã được cắt giảm thời gian giải quyết và nâng cao chất lượng, đặc biệt với các thủ tục liên quan tới đầu tư. Trước thời điểm Luật Đầu tư 2014 và Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực. Các thủ tục như Cấp giấy chứng nhận đầu tư; Thẩm định đầu tư và Quyết toán đầu tư; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Cấp phép xây dựng; Đánh giá tác động môi trường, Quy trình thẩm tra thiết kế xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh được cắt giảm giảm từ 1/3 đến 1/2 thời gian so với quy định; Phòng cháy chữa cháy rút xuống còn 7 ngày. Các thủ tục, giấy tờ, phí và lệ phí được niêm yết công khai tại nơi làm thủ tục cũng như tại cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đảm bảo thuận tiện, dễ tiếp cận.

Các thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa liên thông được thực hiện tại Ban XT&HTĐT và qua phần mềm điện tử “Một cửa liên thông” đã hỗ trợ hiệu quả trong công tác quản lý, giám sát tiến độ giải quyết và tra cứu TTHC của nhà đầu tư. Trong 3 năm thực hiện dự án đã tiếp nhận 3.337 hồ sơ TTHC, trong đó có 2.824 hồ sơ đến hạn giải quyết (chiếm 85%); 400 hồ sơ chưa đến hạn (chiếm 12%); còn 113 hồ sơ bị trả lại hoặc bị treo (3%). Trong tổng số hồ sơ đến hạn giải quyết, đã trả kết quả trước và đúng hạn 2.622 hồ sơ (chiếm 93%) tổng số hồ sơ; số hồ sơ chậm hạn là 129 hồ sơ (4,5%), quá hạn giải quyết là 73 hồ sơ (2,5%). Kết quả trên cho thấy phần lớn các TTHC được giải quyết sớm và đúng hạn. Việc giải quyết các TTHC qua cơ chế MCLT tạo khác biệt và lợi thế so sánh mới cho tỉnh trong việc thu hút đầu tư cũng như cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh.

Triển khai có hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9001:2008 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước đã tạo sự chuyển biến trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính tại các cấp, các ngành.

Một số đánh giá của doanh nghiệp về chỉ số này được cải thiện như: 72,6% doanh nghiệp cho rằng cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả,

68,35% doanh nghiệp không cần đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký; 62,6% doanh nghiệp đánh giá cán bộ nhà nước thân thiện, số cuộc thanh tra bình quân giảm đáng kể còn 02 cuộc/năm.

Một số tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới: Mặc dù thủ tục hành chính đã được công khai nhưng hầu hết doanh nghiệp vẫn phải tiếp cận cán bộ công chức, viên chức của các cơ quan đơn vị để hiểu rõ và thực hiện các quy định của pháp luật. Các quy định hiện hành còn tương đối phức tạp do đó doanh nghiệp vẫn phải mất nhiều thời gian trong việc hoàn thiện các hồ sơ, biểu mẫu. Số lượng các cuộc thanh tra kiểm tra vẫn còn nhiều, thời gian giành cho các cuộc thanh tra kiểm tra còn kéo dài; còn hiện tượng cán bộ công chức đến làm việc với tư cách kiểm tra nắm bắt thông tin mà không có kế hoạch và thông báo trước, hoặc sau kiểm tra không có kết luận gửi doanh nghiệp.

2.3 Chỉ số Tiếp cận đất đai

Năm 2012 Chỉ số này xếp hạng thứ 53/63 tỉnh thành, mục tiêu Đề án năm trong nhóm 20 địa phương tốt nhất vào năm 2015. So với năm 2012 chỉ số này năm 2015 tăng 0,35 điểm và 30 bậc xếp vị trí thứ 23.

Trong thời gian qua tỉnh Vĩnh Phúc đã có nhiều nỗ lực cố gắng để cải thiện chỉ số này, các doanh nghiệp đã dễ dàng hơn trong việc tiếp cận đất đai và yên tâm hơn về sự ổn định của mặt bằng kinh doanh cụ thể đã triển khai một số công việc:

- Thực hiện việc công khai quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) ở 3 cấp: Tỉnh, huyện, xã, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận, minh bạch hóa thông tin về đất đai và mặt bằng sản xuất.

- Trong 3 năm qua trên địa bàn tỉnh đã thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 1.622 giấy chứng nhận với tổng diện tích là 16.525.719m².

- UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo Ban Quản lý các Khu công nghiệp phối hợp với các chủ đầu tư hạ tầng KCN đưa ra nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư, xây dựng nhằm giảm giá thành, giảm tiến độ nộp tiền thuê hạ tầng, nâng cao sức cạnh tranh của các KCN Vĩnh Phúc.

- Thực hiện việc công bố các loại giá đất trên địa bàn tỉnh, đổi mới cơ chế xác định bảng giá đất trên địa bàn theo hướng phù hợp với vị trí lô đất, đề xuất khung giá đất phù hợp sát với giá thị trường.

Tuy nhiên, theo Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp tháng 6/2015 của Hiệp Hội doanh nghiệp cho thấy các doanh nghiệp tại tỉnh cho rằng giá thuê hạ tầng KCN ở Vĩnh Phúc cao hơn nhiều so với các tỉnh khác như Hà Nam, Hòa Bình, Thừa Thiên Huế. Bảng giá thuê đất từng khu vực trong tỉnh không được công bố rộng rãi. Một số dự án do công tác giải phóng mặt bằng quá chậm, làm tăng dự toán tài chính của dự án ảnh hưởng đến việc xây dựng nhà máy, cũng như tiến độ thực hiện dự án của nhà đầu tư. Việc xin thêm đất mở rộng sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp vẫn chưa được đáp ứng kịp thời.

+ Theo báo cáo của VCCI trong năm 2015 thì chỉ có 36% doanh nghiệp được hỏi có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất; 31,7% số doanh nghiệp không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh và 43,24% số doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục. Các con số thống kê cho thấy các doanh nghiệp vẫn còn rất khó khăn trong việc có mặt bằng sản xuất kinh doanh, cấp GCNQSD đất và thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai

3. Kết quả thu hút đầu tư: Kết quả thu hút đầu tư giai đoạn thực hiện Đề án tăng cao. Tính từ tháng 01/2013 đến hết tháng 6/2016 thu hút đầu tư đạt 1.414,09 triệu USD, chiếm trên 41% tổng vốn thu hút đầu tư FDI (từ khi tái lập tỉnh đến nay đạt 3.435,04 triệu USD) và đạt 23.554,98 tỷ đồng, chiếm 46% tổng vốn DDI của tỉnh (từ khi tái lập tỉnh đến nay đạt 50.987,0 tỷ đồng). Kết quả cũng cho thấy giai đoạn vừa qua thu hút đầu tư của tỉnh tăng rất nhanh, ổn định cùng với sự thăng hạng PCI của tỉnh Vĩnh Phúc.

III NHỮNG MẶT HẠN CHẾ

Qua 3 năm triển khai thực hiện Đề án, còn một số tồn tại hạn chế cần phải nghiêm túc nhìn nhận và có giải pháp phù hợp để thực hiện tốt hơn trong giai đoạn 2016-2020 cụ thể như sau:

(1) Một số chỉ tiêu không đạt mục tiêu của Đề án và chưa có sự cải thiện và xếp vị trí thấp như: Chỉ số Gia nhập thị trường; Chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp; Chỉ số Chi phí không chính chức.

(2) Môi trường đầu tư của tỉnh mặc dù đã có sự cải thiện, nhiều chỉ số đã có sự cải thiện đáng kể tuy nhiên vẫn chưa thật sự ổn định. So với các tỉnh thì Vĩnh Phúc chưa có chỉ số thành phần nào nằm trong nhóm 5 tỉnh dẫn đầu, do đó trong thời gian tới tỉnh Vĩnh Phúc phải nỗ lực hơn nữa để cải thiện hơn nữa từng chỉ số thành phần do dư địa cải cách còn rất lớn.

(3) Kết quả đạt được thông qua các chỉ số PCI là không đồng đều, điều này thể hiện sự vào cuộc của hệ thống chính trị, đặc biệt là các cơ quan trực tiếp giải quyết các thủ tục hành chính còn chưa đồng bộ và chưa thực sự quyết liệt.

(4) Còn tồn tại hiện tượng tiêu cực trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, đặc biệt là tình trạng “tham nhũng vặt” làm nản lòng doanh nghiệp khi đầu tư tại tỉnh và phải chi trả chi phí không chính thức, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục đầu tư.

(5) Còn phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp DDI; chưa thật sự coi trọng sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

(6) Công tác tuyên truyền vận động thực hiện Đề án chỉ được thực hiện mạnh giai đoạn đầu, không duy trì trong cả thời gian thực hiện Đề án, chưa thực sự đóng góp tích cực vào kết quả thực hiện.

(7) Công tác chỉ đạo của Thủ trưởng một số đơn vị chưa kiên quyết, sâu sát nên việc giải quyết các thủ tục hành chính không dứt điểm còn có tình trạng kéo dài.

(8) Một số chỉ số thành phần bị giảm vị trí xếp hạng và chưa đạt mục tiêu của Đề án:

8.1. Chỉ số gia nhập thị trường

Năm 2012 Chỉ số này xếp hạng thứ 21/63 tỉnh thành, mục tiêu Đề án năm trong nhóm 10 địa phương tốt nhất vào năm 2015. So với năm 2012 chỉ số năm 2015 giảm 0,64 điểm và 13 bậc, xếp vị trí 34.

Việc giảm điểm của Chỉ số này phản ánh doanh nghiệp vẫn còn cảm thấy khó khăn và chưa thật sự hài lòng về thời gian thực hiện các thủ tục như đăng ký kinh doanh, xin cấp đất và hoàn tất các giấy phép cần thiết để bắt đầu tiến hành hoạt động kinh doanh. Mặc dù trong thời gian qua, tỉnh Vĩnh Phúc đã có những nỗ lực cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết nhưng vẫn cần phải cải thiện hơn nữa.

Qua kết quả khảo sát của VCCI năm 2015 mặc dù đã có cải thiện về thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên quan tới ĐKDN và cấp GCNQSDĐ, tỷ lệ % doanh nghiệp phải chờ đợi hơn 1 tháng để hoàn tất các thủ tục và chính thức đi vào hoạt động tăng từ 7,69% lên 9,38% và tỷ lệ doanh nghiệp phải đợi hơn ba tháng tăng từ 0% lên 1,56%. Điều này cho thấy các thủ tục sau khi cấp giấy ĐKDN và GCNQSDĐ chiếm nhiều thời gian của doanh nghiệp, hoặc gây cản trở tới hoạt động của doanh nghiệp.

Các tiêu chí liên quan tới việc thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa có xu hướng cải thiện trong năm 2014 lại giảm đi trong năm 2015. Đặc biệt các tiêu chí như: Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn, Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện giảm từ hơn 50% năm 2014 xuống 30% chỉ sau 1 năm. Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Đầu tư 2014 chính thức có hiệu lực vào ngày 1/7/2015, tuy nhiên việc chậm trễ ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn đi kèm có thể là nguyên nhân khiến doanh nghiệp có đánh giá tiêu cực hơn về giải quyết các thủ tục hành chính qua Bộ phận một cửa. Do việc tiếp nhận thủ tục tại các Bộ phận Một cửa tăng lên (từ 55,2% năm 2013 lên 85,48% năm 2015), do đó số lượng hồ sơ giải quyết tại các bộ phận này tăng lên, đồng nghĩa với việc doanh nghiệp có đánh giá khách quan và chính xác hơn.

Đặc biệt, tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng tỉnh chưa đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào trong các tiêu chí đánh giá về chỉ số Gia nhập thị trường tăng lên qua các năm: năm 2013 là 1,23% và năm 2015 là 5,94%.

Trong năm 2015, chỉ số Chi phí gia nhập thị trường của tỉnh có mức tự hạng cao nhất (34 bậc) so với các chỉ số thành phần khác và chưa bao giờ có thứ hạng nằm trong nhóm 20 địa phương có thứ hạng cao nhất. Do đó, việc cải thiện chỉ số này cần được ưu tiên. Trước hết cần tập trung vào việc cải thiện các thủ tục hành chính qua bộ phận một cửa, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên môn, quán triệt về thái độ làm việc với doanh nghiệp và người dân và ứng dụng tốt công nghệ thông tin tại bộ phận một cửa.

8.2. Chỉ số Chi phí không chính thức

Năm 2012 Chỉ số này xếp hạng thứ 13/63 tỉnh thành, mục tiêu Đề án nằm trong nhóm 10 địa phương tốt nhất từ năm 2013. So với năm 2012 chỉ số này năm 2015 giảm 1,34 điểm và 2 bậc, xếp vị trí 15.

Nguyên nhân: Mặc dù các thủ tục hành chính tại các cơ quan đều được niêm yết rõ ràng, công bố rộng rãi tại cơ quan, đơn vị và trên các cổng thông tin điện tử. Các khoản phí, lệ phí được công khai, minh bạch và kiểm soát chặt chẽ. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại các hành vi tiêu cực của các cán bộ, công chức, viên chức. Theo phản ánh của các doanh nghiệp từ Báo cáo Kết quả khảo sát doanh nghiệp tháng 6/2015, doanh nghiệp vẫn chưa được giải quyết thủ tục nhanh chóng qua bộ phận “một cửa” tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, số lượng các đoàn thanh tra, kiểm tra quá nhiều khiến các doanh nghiệp mất nhiều thời gian và phải dùng đến chi phí không chính thức.

Trong báo cáo đánh giá chất lượng điều hành kinh tế để thúc đẩy doanh nghiệp phát triển năm 2015 của VCCI, cũng đã chỉ ra các xu hướng đáng quan ngại, đó là:

+ Tỷ lệ doanh nghiệp phải chi phí không chính thức có xu hướng tăng lên 50% năm 2013, 64% năm 2014 và 66% năm 2015 (Vĩnh Phúc là 57,8%).

+ 65% doanh nghiệp được hỏi cho rằng những nhiều khi giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp là mang tính phổ biến (Vĩnh Phúc là 60,1%).

Đây là vấn đề mà các cấp chính quyền phải nghiêm túc nhìn nhận và thường xuyên giám sát, kiểm tra, chấn chỉnh công vụ, xử lý nghiêm đối với cán bộ, công chức, viên chức có vi phạm, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực thi công vụ để làm cho môi trường đầu tư minh bạch hơn.

8.3. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp

Năm 2012 Chỉ số này xếp hạng thứ 33/63 tỉnh thành, mục tiêu Đề án nằm trong nhóm 10 địa phương tốt nhất từ năm 2013. So với năm 2012 chỉ số này năm 2015 tăng 1,12 điểm nhưng giảm 14 bậc xếp vị trí thứ 47.

Nguyên nhân: Chất lượng dịch vụ như tìm kiếm thông tin thị trường, tư vấn pháp luật, dịch vụ tư vấn và giới thiệu việc làm, hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh, xúc tiến thương mại, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính để hỗ trợ doanh nghiệp vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Sự tụt giảm về thứ hạng không chỉ xuất phát từ nguyên nhân do các biện pháp chính sách đề ra không đạt được hiệu quả mà còn là do sự vươn lên mạnh mẽ của các tỉnh, thành phố cả nước trong việc cải thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đảm bảo điều kiện thuận lợi nhất cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của các doanh nghiệp.

Trong những năm tiếp theo để cải thiện chỉ số này tỉnh Vĩnh Phúc cần đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp bằng nhiều hình thức mới, hiệu quả cao hơn, đảm bảo công tác chăm sóc nhà đầu tư tại chỗ và tạo điều kiện đẩy mạnh xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước với sự tham gia ngày càng mạnh mẽ của các doanh nghiệp tại tỉnh nhằm giúp các doanh nghiệp mở rộng thị trường, tăng

cường sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã ra trở thành thành viên của TPP.

IV. NGUYÊN NHÂN CỦA TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân khách quan

Việt Nam tham gia, hội nhập quốc tế ngày sâu rộng đòi hỏi phải có sự chủ động tích cực hơn, cơ chế chính sách pháp luật có sự thay đổi để phù hợp với hội nhập và thực tiễn, đây cũng là yếu tố khách quan gây khó khăn hơn trong việc thực hiện quy định mới của pháp luật. Mức độ am hiểu pháp luật, các quy định của nhà nước của một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện. Một số thủ tục theo quy định liên quan đến nhiều cấp nhiều ngành nên thời gian giải quyết kéo dài, một số quy định liên quan đến lĩnh vực đầu tư, xây dựng, môi trường, đất đai có sự thay đổi theo hướng chặt chẽ hơn làm tăng chi phí, thời gian của doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp đặc biệt là cấp huyện và cấp xã chưa đồng bộ, quyết liệt, chưa tập trung vào những khâu yếu kém để tập trung giải quyết. Công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện của các sở, ngành, địa phương chưa được chú trọng, một số đơn vị chưa thực hiện công tác sơ kết tổng kết để từ đó rút kinh nghiệm, kịp thời điều chỉnh, chưa có biện pháp xử lý đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

- Sự phối hợp giữa các sở ngành chưa chặt chẽ, còn mang tính hình thức, chưa quyết liệt. Kết nối giữa chính quyền các cấp để tháo gỡ các khó khăn cho doanh nghiệp chưa kịp thời.

- Vai trò của các tổ chức chính trị xã hội trong việc tham gia phản biện, xây dựng các chính sách còn hạn chế, chưa phát huy được vai trò của cộng đồng doanh nghiệp trong việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách của tỉnh.

- Việc khảo sát lấy ý kiến của doanh nghiệp đã được triển khai nhưng việc giải quyết các khó khăn, tồn tại, vướng mắc cho doanh nghiệp sau khảo sát chưa kịp thời, các ý kiến góp ý nhận xét của doanh nghiệp đánh giá về môi trường đầu tư của tỉnh vẫn còn nhiều yếu kém, tuy nhiên mức độ cải thiện còn rất hạn chế.

- Chất lượng và số lượng các dịch vụ giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, nhà ở xã hội cho công nhân còn hạn chế; chất lượng lao động đặc biệt là lao động có trình độ tay nghề cao còn thiếu chưa đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư. Hạ tầng giao thông, điện, nước mặc dù đã được quan tâm đầu tư và cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số dự án còn rất nhiều khó khăn thường gây chậm trễ khi triển khai các dự án đầu tư.

- Một số đơn vị chưa thật sự chủ động trong việc nghiên cứu, tìm các giải pháp đột phá để đẩy mạnh cải cách hành chính theo lĩnh vực, ngành phụ trách. Vẫn còn đơn vị chưa nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính, chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc thực hiện công tác cải cách hành chính mà mình phụ trách, từ đó thiếu sự phân công, phân nhiệm rõ ràng

trong việc thực hiện thủ tục hành chính, chưa có biện pháp quyết liệt trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

- Chưa thực hiện tốt việc công khai quy hoạch, kế hoạch phát triển và cung cấp thông tin nên doanh nghiệp vẫn rất khó khăn trong tiếp cận thông tin để dễ dàng hơn trong quyết định đầu tư; chất lượng thông tin trên các websites của các sở, ban, ngành và các huyện, thành, thị còn hạn chế, chưa kịp thời; nhiều thông tin cũ lạc hậu; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, khai thác và công khai các thủ tục hành chính chưa triệt để, đồng bộ.

- Một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế về trình độ chuyên môn; chưa nhiệt tình, thân thiện, vẫn còn biểu hiện tiêu cực khi thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Chất lượng tham mưu, đề xuất của một số cán bộ chuyên môn khi thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính và tháo gỡ khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp còn thấp, chưa đảm bảo thời gian theo yêu cầu.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các nội dung liên quan đến Đề án đã được triển khai nhưng hiệu quả chưa cao, đôi khi còn hình thức chưa tạo sự chuyển biến rõ ràng trong nhận thức và việc làm của một số cán bộ, công chức, viên chức.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Trên cơ sở kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2013-2015, việc tiếp tục cải thiện vị trí thứ hạng trong 05 tỉnh dẫn đầu cả nước về PCI là hết sức khó khăn trong bối cảnh các tỉnh dẫn đầu cũng như tất cả các địa phương đều có những nỗ lực vượt bậc để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Việc cải thiện, nâng cao PCI có vai trò quan trọng trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đây là một quá trình lâu dài, cần có những hệ thống cơ chế, chính sách và chương trình hành động đồng bộ, hiệu quả trên cơ sở có sự phối hợp chặt chẽ, toàn diện của các cấp, các ngành trong toàn tỉnh. Do đó cần có chuyển biến từ nhận thức đến hành động và có sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị trong tỉnh, nhất là từ cấp lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh là nhiệm vụ trọng tâm có tính chiến lược của tỉnh, chú trọng thu hút, phát triển doanh nghiệp lớn, có uy tín, năng lực sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, không ảnh hưởng môi trường, khuyến khích đổi mới công nghệ sản xuất, kinh doanh, đáp ứng hội nhập quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh, bền vững; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực với tinh thần đổi mới theo Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng, các giải

pháp đột phá của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp. Cải thiện môi trường đầu tư phải có tư duy sáng tạo, năng động, khoa học, thực tiễn; chỉ đạo điều hành quyết liệt. Bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thực sự thông thoáng, công khai minh bạch, thân thiện trên cơ sở quy định của Nhà nước để vận dụng vào điều kiện thực tế của tỉnh và có sự đột phá.

Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh đòi hỏi sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, sự vào cuộc của hệ thống chính trị xã hội; nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của tập thể và trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu chính quyền các cấp; phát huy vai trò Mặt trận tổ quốc đoàn thể, sự ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp và sự đồng thuận của nhân dân.

2. Mục tiêu

Cải thiện môi trường đầu tư, thu hút mọi thành phần kinh tế đầu tư sản xuất kinh doanh, phấn đấu đạt chỉ tiêu đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra, cụ thể: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 7-7,5%; tổng sản phẩm nội tỉnh đến 2020 bằng 1,5-2,0 lần so với năm 2015; Giai đoạn 2016-2020, thu hút mới 1,3-1,5 tỷ USD vốn đăng ký từ các dự án FDI và 14-15 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký dự án DDI, phấn đấu đến năm 2020 có 10 nghìn doanh nghiệp.

Phấn đấu trở thành một trong những tỉnh có môi trường đầu tư tốt nhất cả nước, một điểm hấp dẫn của nhà đầu tư trong nước và ngoài nước.

Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tiếp tục cải thiện điểm của các chỉ số thành phần, duy trì vị trí xếp hạng PCI của tỉnh trong nhóm 10 địa phương tốt nhất cả nước.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các nhiệm vụ, giải pháp chung

1.2 Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của Nhà nước, vai trò của MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội gắn với nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Phát huy vai trò, trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan đơn vị trong thu hút đầu tư và giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; xác định nhiệm vụ cụ thể của từng cấp chính quyền, cơ quan, đơn vị trong việc phối hợp giải quyết những vấn đề liên quan đến doanh nghiệp.

Trên cơ sở Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp và Nghị Quyết của Ban thường vụ Tỉnh ủy để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện cụ thể các nội dung thuộc thẩm quyền.

Kiên toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy kết hợp với nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực, đạo đức công vụ và trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công

chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ được giao và thẩm quyền quản lý của từng cấp theo hướng chuẩn hóa công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ có tác phong chuyên nghiệp theo hướng phục vụ doanh nghiệp.

1.2 Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

Cùng với việc thực hiện kế hoạch cải cách thủ tục hành chính của tỉnh giai đoạn 2016-2020, cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

- *Công khai minh bạch thông tin trên cổng thông tin điện tử của tỉnh:* Công khai các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, các đồ án, quy hoạch xây dựng của tỉnh, nhất là quy hoạch về đô thị, giao thông, điện, nước; quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch dịch vụ kèm theo các thông tin về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các chính sách như tiền thuê đất, tiền thuê hạ tầng theo quy hoạch của từng dự án. Công khai việc cho thuê đất, đấu giá đất và các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư cho các loại hình dự án, vùng dự án theo quy định.

- *Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính:* Rà soát lại toàn bộ các thủ tục liên quan đến thành lập doanh nghiệp, đăng ký mở tài khoản ngân hàng, thông báo mẫu dấu... và các thủ tục trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp như thuế, bảo hiểm, hải quan,... phân đầu giảm còn dưới 60% thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

Đối với thủ tục đánh giá tác động môi trường, phòng cháy chữa cháy phân đầu giảm còn dưới 50% thời gian theo quy định của Chính phủ.

Tùy từng tính chất dự án và nhu cầu của nhà đầu tư về đất đai, sản xuất, kinh doanh, các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phân đầu giảm thời gian giới thiệu địa điểm, cấp phép xây dựng, giao đất cho doanh nghiệp còn dưới 50% theo quy định của Chính phủ.

1.3 Đẩy mạnh việc xây dựng và vận hành chính phủ điện tử, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin

Đẩy mạnh lộ trình xây dựng chính quyền điện tử theo hướng hiện đại, đáp ứng chuẩn hóa và hội nhập quốc tế. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tập trung làm trước các thủ tục liên quan đến cấp phép đầu tư, thông tin doanh nghiệp đầu tư, phản hồi doanh nghiệp, thuế, hải quan.

Nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, đào tạo nhân lực công nghệ thông tin (trước mắt là cho cơ quan, đơn vị liên quan trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp) để thực hiện thủ tục hành chính qua mạng.

Thiết lập đầu mối để tiếp nhận phản hồi, ý kiến tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Giao cơ quan đầu mối quản lý thông tin và cơ chế giao trách nhiệm, quy định thời hạn giải quyết của đơn vị liên quan theo tính chất nội dung đề nghị của doanh nghiệp.

Thực hiện cơ chế một cửa về cấp phép đầu tư. Kết nối công nghệ thông tin điện tử giữa cơ quan, đơn vị liên quan về việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, cấp phép đầu tư, hồ sơ giao đất, cho thuê đất, quy hoạch, xây dựng...

1.4 Tạo điều kiện về bồi thường, giải phóng mặt bằng cho doanh nghiệp

Ban hành cơ chế đặc thù về bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho nhà đầu tư để khuyến khích đối với các dự án đầu tư quy mô lớn, hiệu quả kinh tế - xã hội cao, dự án công nghệ cao, xử lý môi trường tốt, nhất là các dự án ở khu vực khó chuyển đổi cơ cấu kinh tế, vùng đặc biệt khó khăn.

1.5 Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

Rà soát, bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện các quy hoạch đã phê duyệt, trọng điểm là quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc, quy hoạch kết nối giao thông liên vùng, khu du lịch lớn, quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng kết nối hạ tầng đồng bộ, hiện đại để đáp ứng yêu cầu phát triển.

Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xây dựng cơ chế ưu đãi để thu hút nguồn vốn, nhà đầu tư (theo hướng xã hội hóa) để xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu vực trọng điểm, có lợi thế để phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao, nông nghiệp công nghệ cao nhằm thu hút đầu tư. Thí điểm thành lập một số khu công nghiệp do Nhà nước trực tiếp đầu tư, quản lý hạ tầng để chủ động giá cho thuê đất, cho thuê hạ tầng trong quá trình thu hút đầu tư.

Ưu tiên nguồn vốn tập trung để đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào khu vực dự án có quy mô lớn, chất lượng cao, nhà đầu tư cam kết triển khai dự án nhanh. Có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư về xây dựng hạ tầng giao thông, giao đất sạch để xây dựng nhà ở, nhà văn hóa, cơ sở y tế cho cán bộ, công nhân theo quy hoạch.

1.6 Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp

Sắp xếp lại các trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường, trung tâm dạy nghề theo hướng đảm bảo nguồn, chất lượng đào tạo nhân lực. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề, từng bước hiện đại. Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên theo hướng chuẩn hóa cho các trường, cơ sở dạy nghề. Thực hiện hỗ trợ học phí cho người học nghề khi doanh nghiệp đặt hàng đào tạo nhân lực chất lượng cao.

Thực hiện giao quyền tự chủ có điều kiện cho các trường, cơ sở dạy nghề để đảm bảo tính chủ động và nâng cao trách nhiệm với cơ sở đào tạo nghề. Cơ chế gắn kết giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp để đảm bảo chất lượng dạy nghề theo yêu cầu của doanh nghiệp và tiếp nhận đầu ra cho người học sau khi được đào tạo. Thông tin công khai mạng lưới dạy nghề có đủ năng lực đào tạo theo từng ngành nghề trên địa bàn tỉnh.

1.7 Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp

Thực hiện có hiệu quả Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp

đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020; đồng thời hỗ trợ kinh phí dồn ghép ruộng đất, kinh phí hướng dẫn nông dân sản xuất sản phẩm sạch, quảng bá tại các điểm tiêu thụ sản phẩm...

1.8 Xây dựng cơ chế trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị nâng cao văn hóa giao tiếp, ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện phương châm “Thành công của doanh nghiệp cũng chính là thành công của tỉnh; doanh nghiệp giàu, Vĩnh Phúc sẽ giàu”. Xây dựng cơ chế trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đơn vị có thẩm quyền liên quan đến hoạt động cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp với thái độ tận tâm, tâm huyết, sáng tạo, đồng hành cùng doanh nghiệp. Xác định rõ quyền đi đôi với trách nhiệm của người đứng đầu, của cấp thể, của từng cán bộ, công chức, viên chức, tránh tình trạng chung chung, không rõ về trách nhiệm.

Thực hiện phân cấp quản lý và đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, xây dựng văn hóa ứng xử và tinh thần làm việc thân thiện, tôn trọng, hợp tác, trách nhiệm trong giao tiếp với doanh nghiệp. Bố trí cán bộ đủ năng lực, phẩm chất đạo đức liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp; xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp, người dân hoặc điều chuyển công tác khi có dị nghị, dự luận phản ánh tiêu cực hoặc có biểu hiện trì chệ trong thực thi nhiệm vụ.

1.9 Đổi mới nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư

Xây dựng môi trường đầu tư bình đẳng, thân thiện, hiệu quả để thu hút doanh nghiệp, các thành phần kinh tế yên tâm sản xuất, kinh doanh. Tăng cường thu hút đầu tư, ưu tiên dự án lớn, chất lượng cao, công nghệ cao, xử lý môi trường tốt, dự án khu vực khó chuyển đổi cơ cấu kinh tế với chính sách đặc thù ưu đãi cụ thể theo từng loại dự án. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động thu hút đầu tư theo hướng chú trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ; tăng cường tiếp xúc, đối thoại doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Có chính sách khuyến khích tập thể, cá nhân có thành tích trong xúc tiến, thu hút đầu tư.

1.10 Đồng hành và hỗ trợ doanh nghiệp

- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa đặc biệt quan tâm hỗ trợ về pháp lý, thông tin thị trường, chiến lược kinh doanh, đào tạo lao động, xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, tiếp cận thông tin và mở rộng thị trường...

- Thường xuyên tổ chức đối thoại giữa doanh nghiệp và chính quyền, kịp thời nắm bắt, giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, đa dạng hóa kênh thông tin phản ánh, tiếp nhận và phản hồi trong giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp, ngăn ngừa các việc làm của các cơ quan Nhà nước có thể gây phiền hà cho doanh nghiệp, góp phần tạo sự thân thiện, an toàn, minh bạch hơn trong môi trường kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục duy trì việc khảo sát thăm dò ý kiến, thái độ của doanh nghiệp đối với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã trong việc giải

quyết các công việc liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn từ đó đánh giá, xếp hạng các cơ quan là cơ sở đánh giá hoàn thành trách nhiệm trong thu hút đầu tư.

1.11 Đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội

Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp yên tâm sản xuất, kinh doanh. Có cơ chế phối hợp, gắn trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan đến trách nhiệm và thẩm quyền với doanh nghiệp để kịp thời giải quyết vụ việc xảy ra trong khu công nghiệp, trong nhà máy... trọng tâm là việc giải quyết quyền lợi hợp pháp của công nhân để không xảy ra đình công trái pháp luật. Xây dựng tổ chức đội ngũ cán bộ công đoàn cơ sở thực sự vững mạnh hoạt động có hiệu quả. Không để xảy ra mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Thực hiện đúng các quy định về thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

1.12 Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, tạo sự chuyển biến về nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân về tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về chủ trương, chính sách thu hút đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Kịp thời tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp, doanh nhân, nhà đầu tư có nhiều đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho từng chỉ số thành phần

Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho từng chỉ số thành phần được quy định như dưới đây. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức triển khai, đề xuất các giải pháp thực hiện và phải thường xuyên báo cáo lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo để kịp thời nắm bắt và xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh. Cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá từng chỉ số thành phần phải thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ chung.

2.1 Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường

a) Mục tiêu: Chỉ số này xếp thứ 34/63 năm 2015, mục tiêu nằm trong nhóm 20 địa phương tốt nhất năm 2016, nhóm 15 địa phương tốt nhất vào năm 2017 và nhóm 10 địa phương tốt nhất vào các năm 2018-2020.

b) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo: Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Nhiệm vụ:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh phối hợp duy trì thời gian thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ tối đa không quá 3 ngày, phần đầu rút ngắn xuống không quá 02 ngày.

- Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, đề xuất bãi bỏ các giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, hồ sơ, tài liệu không cần thiết theo tinh thần của Nghị Quyết 19-2016/NQ-CP của Chính phủ. Kết quả rà soát báo cáo UBND tỉnh và được niêm yết công khai, cập nhật để người dân và doanh nghiệp được biết. Thời gian hoàn thành trong năm 2016.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan:

+ Xây dựng quy định về trình tự thực hiện các thủ tục đầu tư trực tiếp trên địa bàn tỉnh trên tinh thần của Luật Đầu tư và Nghị Quyết số 43/2014/NQ-CP ngày 06/6/2014 của Chính phủ và pháp luật có liên quan, phấn đấu rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, cấp GCNĐKĐT, cấp GCNQSD đất và thủ tục có liên quan 40-50% thời gian giải quyết theo quy định.

+ Thực hiện tốt việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông để rút ngắn thời gian và chi phí cho doanh nghiệp và nhà đầu tư khi thực hiện các thủ tục gia nhập thị trường, khởi sự kinh doanh, thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường....

+ Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thái độ ứng xử cho cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ tại bộ phận một cửa, duy trì và triển khai thực hiện tốt hơn hình thức đăng ký kinh doanh qua mạng, đầu tư chiều sâu cho công nghệ thông tin, phần mềm quản lý hồ sơ doanh nghiệp.

+ Tích cực tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để tổ chức và cá nhân có những hiểu biết cơ bản nhất về quy trình mà cơ quan, đơn vị giải quyết các thủ tục có liên quan đến người dân và doanh nghiệp

3.2 Chỉ số Tiếp cận đất đai

a) Mục tiêu: Chỉ số này xếp hạng thứ 23/63 năm 2015, mục tiêu trong thời gian tới là cải thiện điểm số và duy trì ở nhóm 15 địa phương tốt nhất từ năm 2016 trở đi.

b) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực;

- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Sở Tài nguyên và Môi trường; Cơ quan phối hợp Sở Xây dựng và UBND các huyện, thành phố, thị xã.

c. Nhiệm vụ:

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan có liên quan:

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát, đề xuất UBND tỉnh kiến nghị hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật về quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, đất đai; Đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp tạo quỹ đất sạch tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội;

- Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cấp huyện và nội dung điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh đến năm 2020 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) của cấp huyện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện và công bố công khai, đầy đủ thông tin quy hoạch, tích cực hướng dẫn các doanh nghiệp nghiên cứu lập dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, có kế hoạch tiếp cận việc sử dụng đất.

- Công khai các quy hoạch, rút ngắn thời gian giao đất cho nhà đầu tư:

+ Tiếp tục rà soát, cải tiến và giảm bớt một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý đất đai theo hướng tạo điều kiện hơn nữa cho các doanh nghiệp sử dụng đất vào mục đích kinh doanh dịch vụ.

+ Đối với vấn đề thu hồi đất theo quy hoạch đã được duyệt, thực hiện các nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch sau khi quy hoạch - kế hoạch được phê duyệt và công bố mà chưa có dự án đầu tư; tư vấn bồi thường giải phóng mặt bằng, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, quản lý quỹ đất thu hồi... Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, thường xuyên kiểm tra, giám sát. Hoàn thiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức theo chỉ đạo của Chính phủ và của UBND tỉnh, trong đó đặc biệt giảm các chi phí về thủ tục hồ sơ khi cấp giấy chứng nhận, coi đây là biện pháp quan trọng để giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp hiện nay.

- Áp dụng thời hạn giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư theo thời hạn hoạt động của dự án đầu tư được phê duyệt. Áp dụng thời gian sử dụng đất tối đa (50 năm) đối với các dự án đủ điều kiện. Các dự án đã giao đất, thuê đất với thời hạn ngắn hơn, nhưng có thời hạn hoạt động phù hợp thì được xem xét, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất tối đa để doanh nghiệp yên tâm đầu tư, sử dụng đất.

- Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về giá đất, công khai, minh bạch giá đất để các nhà đầu tư quan tâm có cơ sở tiếp cận, nghiên cứu tham gia thị trường.

- Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế hỗ trợ về tài chính cho doanh nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định, phát triển sản xuất. Khai thác tốt các khu đô thị mới, khu tái định cư để phục vụ bố trí tái định cư cho các dự án của Nhà nước và các dự án của các nhà đầu tư; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, chính sách tái định cư, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra sử dụng đất của các tổ chức và kiên quyết thu hồi đất đối với các doanh nghiệp được giao đất, cho thuê đất, nhưng chậm triển khai hoặc vi phạm các quy định của Luật Đất đai, Luật Đầu tư...

3.3 Chỉ số Tính minh bạch

- Mục tiêu: Chỉ số này xếp thứ 19/63 năm 2015, mục tiêu nằm trong nhóm 10 địa phương tốt nhất trong giai đoạn 2016-2020.

b. Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực.

- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Sở Thông tin và Truyền thông.

c. Nhiệm vụ:

- Các cơ quan, đơn vị:

- Công bố rộng rãi, đầy đủ và kịp thời trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; Quy hoạch xây dựng; Quy hoạch sử dụng đất 2011-2020; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; Quy hoạch phát triển nhân lực,... và các loại quy hoạch ngành, quy hoạch sản phẩm chủ yếu ngay sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt; rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ngành, đơn vị theo hướng rõ ràng, minh bạch, tránh chồng chéo.

- Hoàn thành việc chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính và niêm yết công khai, đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên mạng Internet và tại trụ sở cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện công khai minh bạch, hướng dẫn rõ ràng và thường xuyên cập nhật thông tin trên các lĩnh vực quản lý đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, thành lập doanh nghiệp, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí, hải quan, và các lĩnh vực khác có liên quan bằng nhiều hình thức về quy trình thủ tục, thành phần hồ sơ, các loại biểu mẫu, hướng dẫn chi tiết để hoàn thiện mẫu thủ tục hành chính, quy định thời gian giải quyết, các mức phí, lệ phí theo quy định để người dân và doanh nghiệp dễ hiểu và dễ thực hiện. Công khai các thủ tục hành chính được hướng chuẩn hóa trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Cổng thông tin giao tiếp điện tử của tỉnh và websites của cơ quan quản lý nhà nước đưa công khai các doanh nghiệp được giao đất, cho thuê đất, nhưng chậm triển khai hoặc vi phạm các quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Xây dựng,... hoặc không thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước (chậm nộp thuế, trốn thuế và các khoản thu khác).

- Thiết lập các đường dây nóng ở các đơn vị để có những phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; quy định cơ chế cụ thể, chi tiết việc kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và công bố công khai quy định này. Việc công bố phải đưa lên trang thông tin điện tử của các đơn vị một cách khoa học và đăng tải chậm nhất là 48 giờ sau khi ban hành (không tính ngày nghỉ).

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và vận hành chính quyền điện tử:

+ Đẩy mạnh đổi mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện tốt việc triển khai phần mềm một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục hành chính của tỉnh; Triển khai cập nhật thông tin đăng ký kinh doanh vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh; Triển

khai ứng dụng phần mềm hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài. Tiếp tục phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin địa phương; Triển khai một số thủ tục trực tuyến mức độ 3 và 4, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử theo lộ trình, chỉ tiêu đã được xác định tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

+ Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư xây dựng và khẩn trương đưa vào hoạt động Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh; tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của Cổng đối ngoại Doanh nghiệp - Chính quyền tỉnh Vĩnh Phúc.

- Sở Nội vụ hoàn thành việc triển khai xây dựng phần mềm một cửa hiện đại trên địa bàn tỉnh ngay trong năm 2016. Tăng cường công tác thanh tra công vụ, xử lý cán bộ, công chức vi phạm; việc chậm trễ chưa giải quyết được thủ tục đối với doanh nghiệp và người dân phải trả lời bằng văn bản trong đó giải thích rõ nguyên nhân. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Đề án thành lập Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện để UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.4 Chỉ số Chi phí thời gian

a) Mục tiêu: Chỉ số này xếp thứ 12/63 tỉnh thành năm 2015; mục tiêu trong thời gian sắp tới là tiếp tục duy trì phần đầu nằm trong nhóm 10 địa phương tốt nhất trong giai đoạn 2016-2020.

b. Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực.

- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Sở Nội vụ.

c. Nhiệm vụ:

- Sở Nội vụ: Tăng cường kiểm tra, hoạt động của bộ phận một cửa; giám sát, kiểm tra, chấn chỉnh công vụ; xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên làm không đúng quy chế “một cửa”, “một cửa liên thông”. Thời gian kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần và đột xuất khi có phản ánh.

- Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với Thanh tra các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra theo hướng kết hợp, thành lập đoàn liên ngành đối với doanh nghiệp để mỗi năm một doanh nghiệp chỉ phải tiếp, làm việc với một đoàn thanh tra, trừ trường hợp đột xuất khi doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm phải được xây dựng và ban hành từ tháng 6 năm trước.

- Các cấp ủy và HĐND ở cấp huyện, cấp xã không triển khai thủ tục thông qua chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận đầu tư của tỉnh.

- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh bố trí sắp xếp lịch họp lý, kịp thời để Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND, UBND tỉnh nghe và cho ý kiến về chủ trương đầu tư các dự án trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi có báo cáo của cơ quan có thẩm quyền trình.

- Các sở, ban, ngành, địa phương:

+ Thực hiện nghiêm quy định về thời gian trong giải quyết các thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành, địa phương.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và xây dựng chính quyền điện tử. Áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của tất cả các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước; thực hiện có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tại các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và tiến tới thực hiện dịch vụ công mức độ 4 trên cổng thông tin và giao tiếp điện tử tỉnh.

3.5 Chỉ số Chi phí không chính thức

a) Mục tiêu: Chỉ số này xếp thứ 15/63 tỉnh thành năm 2015; mục tiêu trong thời gian tới là tiếp tục tăng điểm số, phấn đấu duy trì trong nhóm 10 địa phương tốt nhất từ năm 2016 trở đi.

b. Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Chủ tịch UBND tỉnh;

- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Sở Nội vụ.

c. Nhiệm vụ:

- Tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về trình độ, nhận thức, kỹ năng để đáp ứng nhu cầu hướng dẫn và xử lý nhu cầu của người dân; có cơ chế kiểm tra, giám sát các bộ phận liên quan đến việc giải quyết các thủ tục cho người dân và doanh nghiệp như: đất đai, môi trường, xây dựng, thuế, đăng ký kinh doanh, đầu tư...

- Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, trong đó tập trung vào những thủ tục hành chính liên quan đến thuế, đăng ký kinh doanh, đầu tư, đất đai, môi trường, các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, kinh doanh khác có liên quan... Công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách, thủ tục hành chính và các mức thu phí, lệ phí tại các sở, ngành, đơn vị và thực hiện đúng những nội dung đã được niêm yết, công khai; thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng; xây dựng các giải pháp nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI)

- Kiên quyết xử lý những hành vi kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, gây phiền hà, những nhiễu đối với tổ chức cá nhân khi thực thi nhiệm vụ để trục lợi. Cơ quan, cá nhân nào bị phản ánh và xác minh đúng sự thực, cá nhân và người đứng đầu cơ quan đó phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và sẽ được đăng tải công khai danh tính, hành vi trên các phương tiện thông tin đại chúng và xử lý theo quy định.

3.6 Chỉ số Tính năng động

a) Mục tiêu: Chỉ số này xếp hạng thứ 7/63 năm 2015; mục tiêu trong thời gian tới là tăng điểm số, tiếp tục duy trì trong nhóm 10 địa phương tốt nhất từ năm 2016.

b) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Cơ quan chỉ đạo: Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh;

- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Ban Tổ chức tỉnh ủy.

c) Nhiệm vụ:

- Lãnh đạo tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương phải tiên phong lắng nghe ý kiến của công dân và doanh nghiệp, xem đây là kênh phản biện về công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo chính sách của Trung ương cũng như trong việc đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Đồng thời, đánh giá khả năng hỗ trợ và áp dụng những chính sách đôi khi chưa rõ của Trung ương theo hướng hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp, doanh nghiệp và người dân. Thực hiện nghiêm túc thời gian giải quyết công việc đã được quy định trong quy chế làm việc tại cơ quan, đơn vị theo hướng giải quyết nhanh nhất có thể.

- Sở Nội vụ: Hoàn thiện Đề án tổng thể kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc từ nay đến năm 2020, trong đó quy định về chế độ trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thi hành nhiệm vụ, công vụ được giao.

- Thường xuyên tổ chức gặp gỡ đối thoại với doanh nghiệp, tăng cường đối thoại chuyên đề, đa dạng thêm các kênh nắm bắt thông tin từ doanh nghiệp như tổ chức đối thoại trực tuyến, chủ động tổ chức các đoàn khảo sát trực tiếp tại doanh nghiệp, khảo sát trực tuyến, xây dựng và duy trì gặp gỡ hàng tuần giữa lãnh đạo UBND tỉnh và doanh nghiệp. Đồng thời đề nghị có cơ chế giám sát theo dõi đánh giá trách nhiệm, tiến độ của các ngành, các địa phương trong việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Đổi mới toàn diện, tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng bộ máy hành chính. Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự năng động trong chỉ đạo, điều hành, sự sáng tạo và tiên phong của lãnh đạo các cấp chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức trong việc hỗ trợ doanh nghiệp; dám chịu trách nhiệm với những việc làm mà mình đề xuất hay quyết định. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã trong việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

- Thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công chức nắm vững các chính sách, quy định hiện hành trong khuôn khổ pháp luật để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp kịp thời, hiệu quả.

- Các cơ quan, đơn vị nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành về vai trò, ý nghĩa và vai trò của việc cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh của tỉnh và xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo điều hành. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 14/01/2013 của Tỉnh ủy về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

3.7 Chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

a) Mục tiêu: Chỉ số này xếp hạng thứ 47/63 năm 2015, mục tiêu trong thời gian tới là cải thiện mạnh mẽ, tăng điểm số, phấn đấu trong nhóm 30 địa phương

tốt nhất vào năm 2016, trong nhóm 20 địa phương tốt nhất vào năm 2017 và nhóm 15 địa phương tốt nhất vào năm 2018 trở đi.

b) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực.

- Cơ quan chịu trách nhiệm chính theo dõi, đánh giá: Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý các KCN, Sở Tư pháp, Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và một số cơ quan khác có chức năng hỗ trợ doanh nghiệp; đơn vị đầu mối là Sở Công thương.

c) Nhiệm vụ:

- Tăng cường hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý thị trường, chống các hiện tượng buôn hàng lậu, hàng giả, lừa đảo trong kinh doanh, vi phạm bản quyền và gian lận thương mại..., đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp theo các cam kết quốc tế.

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức tư pháp, cơ quan thi hành án trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các cơ quan Trung ương đào tạo, xây dựng đội ngũ luật sư có trình độ để có thể giúp đỡ, tư vấn doanh nghiệp trong các vụ tranh chấp hợp đồng kinh tế lớn; khuyến khích tạo điều kiện phát triển các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trên địa bàn: đào tạo kế toán, tư vấn tài chính và thuế, tư vấn quản lý...

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp một cách có hiệu quả trong hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư; hỗ trợ cung cấp thông tin, tư vấn miễn phí các thủ tục, chính sách ưu đãi đầu tư và hỗ trợ cung cấp thông tin miễn phí về tư pháp...; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận, tìm kiếm dịch vụ hỗ trợ; cung cấp các đường dây nóng hỗ trợ doanh nghiệp, tiếp nhận thông tin từ doanh nghiệp và người dân.

- Sở Công thương có trách nhiệm: Xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian hoàn thành trong năm 2017-2018

- Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng triển khai có hiệu quả Đề án nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa và đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013 - 2020. Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ: tư vấn chuyên gia công nghệ, kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo, thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa một cách nhanh chóng, thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn có nhu cầu.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Triển khai các chương trình, đề án để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh xây dựng chương trình trợ giúp doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020.

3.8 Chỉ số Đào tạo lao động

a) Mục tiêu: Chỉ số này xếp hạng 11/63 năm 2015, mục tiêu trong thời gian tới là cải thiện, tăng điểm số, phấn đấu duy trì trong nhóm 10 địa phương tốt nhất từ 2016 trở đi.

b. Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực.

- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

c. Nhiệm vụ:

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tập trung phối hợp với các cơ quan liên quan:

+ Thực hiện khảo sát đánh giá đúng thực tế nhu cầu dạy nghề và giải quyết việc làm

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động của dịch vụ giới thiệu việc làm thị trường lao động, Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sàn giao dịch giới thiệu việc làm của tỉnh. Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin thị trường lao động.

+ Chủ trì với các đơn vị liên quan rà soát, đánh giá cơ sở vật chất, trang thiết bị, năng lực đội ngũ giáo viên thuộc mạng lưới đào tạo nghề. Tham mưu cho UBND tỉnh quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục trong đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

+ Xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để nâng cao chất lượng hiệu quả chất lượng nguồn nhân lực, tiết kiệm chi phí đào tạo, chi phí tuyển dụng của doanh nghiệp.

- Liên đoàn lao động tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các ngành liên quan đẩy mạnh thành lập công đoàn, tổ hòa giải tại các doanh nghiệp, nâng cao vai trò của tổ chức công đoàn thường xuyên thay mặt cho người lao động trao đổi với cấp quản lý, chủ doanh nghiệp về các vấn đề phát sinh, giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến tranh chấp lao động trong doanh nghiệp. Thực hiện việc rà soát, đánh giá hoặc giám sát việc tuân thủ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung về quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực được nêu trong Quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2011-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt. Trong đó chú trọng lực lượng lao động sẵn có và lực lượng lao động dự bị, đáp ứng được yêu cầu hiện tại, đồng thời phù hợp với định hướng ưu tiên phát triển các ngành sử dụng công nghệ cao, trình độ cao. Chương trình đào tạo cần nghiên cứu xây dựng và phát triển trên cơ sở nhu cầu lao động của từng ngành kinh tế, tập trung vào chương trình dạy nghề, giúp phần nào giảm gánh nặng cho doanh nghiệp.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào cơ sở dạy nghề, đặc biệt là những doanh nghiệp đã có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực.

- Ban hành chính sách chung để khuyến khích và ưu đãi đầu tư phát triển các cơ sở ngoài công lập trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, khoa học - công nghệ và môi trường.

3.9 Chỉ số Thiết chế pháp lý

a) Mục tiêu: Chỉ số này xếp hạng 15/63 tỉnh thành năm 2015, mục tiêu trong thời gian tới là cải thiện, tăng điểm số, duy trì trong nhóm 15 địa phương tốt nhất từ 2016 trở đi.

b. Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực;
- Cơ quan chịu trách nhiệm chính theo dõi, đôn đốc, kiểm tra: Sở Tư pháp.

- Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

c) Nhiệm vụ:

Đề nghị Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân:

- Nghiên cứu giảm tối thiểu thời gian giải quyết các vụ kiện tại tòa, đặc biệt là trong giải quyết tranh chấp của doanh nghiệp như: tranh chấp kinh tế, hợp đồng, phá sản...

- Thực hiện tốt kế hoạch đổi mới, nâng cao chất lượng trong hoạt động xét xử, thi hành án nhất là trong lĩnh vực kinh tế, hành chính nhằm nâng cao mức độ tin tưởng, sự tin cậy của cộng đồng doanh nghiệp, người dân đối với hoạt động của các cấp Tòa án.

Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, công tác hòa giải cơ sở nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân. Đây là việc làm thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, hoàn thiện và củng cố tổ chức, nâng cao hiệu quả công tác pháp chế của các sở, ngành trên địa bàn tỉnh trong việc xây dựng các dự thảo văn bản pháp quy, chủ động rà soát hệ thống thể chế và trực tiếp làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật phù hợp trong từng ngành, từng lĩnh vực.

- Nâng cao năng lực và phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức trong ngành Tư pháp, nhất là nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án, đẩy nhanh tiến độ thi hành án dân sự, giải quyết các vụ tranh chấp về kinh tế theo đúng quy định pháp luật, rút ngắn thời gian so với quy định để doanh nghiệp tin tưởng vào sự bảo vệ của pháp luật, qua đó doanh nghiệp tăng cường lựa chọn tòa án và trọng tài để giải quyết các tranh chấp về kinh tế.

- Có cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để bảo đảm mọi phản ánh, khiếu kiện đều được ghi nhận và trả lời cho doanh nghiệp; xã hội hóa một phần các dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Khuyến khích mở các văn phòng luật sư và tăng cường dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp.

- Các cơ quan có thẩm quyền rà soát ban hành đầy đủ các tiêu chuẩn, quy phạm trong tất cả các lĩnh vực nhất là tiêu chuẩn chất lượng.

3.10 Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

a) Mục tiêu: Chỉ số này xếp hạng 12/63 năm 2015, mục tiêu trong thời gian tới là cải thiện, tăng điểm số, phấn đấu trong nhóm 10 địa phương tốt nhất từ 2016 trở đi.

b) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách khối;

- Cơ quan chịu trách nhiệm chính theo dõi, đánh giá: Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

c) Nhiệm vụ:

- Đối xử bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong việc tiếp cận ưu đãi, hỗ trợ, tiếp cận nguồn vốn, cơ chế chính sách... Đồng thời, không phân biệt đối xử và ưu đãi riêng đối với một số doanh nghiệp, đảm bảo bình đẳng trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

- Không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước trong ưu tiên giải quyết các vấn đề khó khăn, ưu đãi đầu tư, tiếp cận đất đai, miễn giảm thuế, thủ tục hành chính, hỗ trợ đầu tư,...

- Công khai các quy định về chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh để các thành phần kinh tế dễ dàng tiếp cận và lựa chọn địa bàn, ngành nghề đầu tư có lợi nhất. Triệt tiêu tình trạng ưu ái, trao đặc quyền về tiếp cận đất đai, tín dụng, khai thác khoáng sản, giải quyết thủ tục hành chính, nhận các hợp đồng từ Nhà nước cho các tổng công ty, tập đoàn, doanh nghiệp của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KIẾN NGHỊ

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy cải cách chất lượng điều hành kinh tế - xã hội của tỉnh, cải thiện, nâng cao tính hấp dẫn của môi trường đầu tư và kinh doanh. Kết quả triển khai Đề án cải

UBND cấp huyện tổ chức quán triệt Đề án đến Bí thư, Chủ tịch UBND cấp xã, hoàn thành trong tháng 11 năm 2016.

3. Hàng năm, các cấp, ngành phải có báo cáo đánh giá về trách nhiệm của ngành mình, cấp mình, của người đứng đầu đối với các chỉ số năng lực cạnh tranh được công bố, nhất là các chỉ số sụt giảm, đồng thời phải đề xuất các giải pháp cải thiện. Các cơ quan được giao chủ trì, theo dõi đánh giá, phối hợp phải chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về các chỉ số và những nội dung có liên quan đến các chỉ số thành phần bị sụt giảm, yếu kém.

4. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh, Hội doanh nhân nữ tỉnh, Hội doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài có trách nhiệm phổ biến Đề án tới hội viên và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tích cực hợp tác, tăng cường đối thoại, cung cấp thông tin cho lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh góp phần xây dựng bộ máy hành chính quản lý nhà nước, chính quyền thân thiện.

5. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư đơn đốc, kiểm tra các các sở, ban, ngành, các địa phương thực hiện Đề án; định kỳ tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện và kịp thời khen thưởng, tuyên dương các tổ chức, cá nhân có các đóng góp tích cực, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề việc thực hiện Đề án 06 tháng/lần.

6. Giao Sở Tài chính chỉ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí kinh phí hàng năm cho để thực hiện các nội dung Đề án.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện Đề án./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trì

Nguyễn Văn Trì

thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2013-2015 cho thấy rõ những vấn đề cấp thiết cần phải cải cách, từ đó đưa ra các giải pháp chính sách, thiết thực và hiệu quả.

Đề án này được triển khai thực hiện có hiệu quả sẽ góp phần cải thiện hình ảnh của tỉnh trong mắt của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI. Để Đề án đi vào cuộc sống, có giá trị thực tiễn cao thì bên cạnh những giải pháp đã được nêu, UBND tỉnh kiến nghị:

1. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh quan tâm hơn nữa trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao hiệu quả, hiệu lực điều hành của tổ chức Đảng, bộ máy chính quyền các cấp, đảm bảo hiệu quả, hiệu lực và thông suốt từ tỉnh đến huyện và đến xã, phường, thị trấn trong việc cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh. Mỗi cấp, mỗi ngành phải đề cao vai trò của người đứng đầu trong lề lối, tác phong làm việc. Những vị trí nào đạt hiệu quả thấp hoặc có nhiều phản ánh không tốt, có thể phải điều động, chuyển chuyên.

2. Đề nghị các tổ chức Đảng từ tỉnh đến cơ sở, Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh phối hợp giám sát, kiểm tra việc thực hiện ở cấp mình để thực hiện tốt hơn các nội dung của Đề án.

3. Đề nghị HĐND tỉnh có chương trình giám sát việc thực hiện Đề án.

4. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị, xã hội tuyên truyền, vận động để cả hệ thống chính trị tích cực tham gia hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, đồng thời tích cực đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, gây khó khăn, cản trở hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào nhiệm vụ giải pháp nêu trong Đề án, theo chức năng, nhiệm vụ các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án theo tinh thần của Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số giải pháp cơ bản cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2021 và có sự liên hệ với Kế hoạch hành động số 3892/KH-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện Nghị Quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia 2016-2017, định hướng đến năm 2020. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể và phân công đầu mỗi chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Đề án, thời gian hoàn thành trong tháng 10 năm 2016. Thực hiện báo cáo kết quả thực hiện định kỳ 6 tháng, một năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu UBND tỉnh thời gian báo cáo trước ngày 20 tháng 6 và tháng 12.

2. UBND tỉnh tổ chức hội nghị quán triệt việc triển khai thực hiện Đề án đến Lãnh đạo các sở, ban, ngành, Lãnh đạo huyện, thành, thị ủy, Thường trực HĐND thành, thị và Chủ tịch UBND cấp huyện trong tháng 10 năm 2016.

Bảng 19. Các chỉ số thành phần của PCI Vĩnh Phúc, giai đoạn 2012-2015
(Ban hành kèm theo Đề án)



STT	Chỉ số thành phần	2012		2013		2014		2015	
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
1	Gia nhập thị trường	9.05	21	7.67	26	8.59	21	8.41	34
2	Tiếp cận đất đai	5.78	53	6.41	44	5.11	55	6.13	23
3	Tính minh bạch	4.8	59	6.28	9	6.56	9	6.49	19
4	Chi phí thời gian	6.1	23	6.62	23	6.61	29	7.48	12
5	Chi phí không chính thức	7.22	13	5.76	47	5.67	14	5.88	15
6	Tính năng động	2.93	58	5.38	37	5.16	13	5.78	7
7	Hỗ trợ doanh nghiệp	4.14	33	5.15	35	5.35	45	5.26	47
8	Đào tạo lao động	5.33	44	5.94	11	7.05	8	6.65	11
9	Thiết chế pháp lý	3.17	44	5.49	36	6.03	20	6.28	15
10	Cạnh tranh bình đẳng	-		5.14	38	4.94	36	5.65	12
	Điểm số PCI	55.15		58.86		61.81		62.56	
	Xếp hạng toàn quốc	43		26		6		4	
	Nhóm xếp hạng	Khá		Khá		Tốt		Rất tốt	



Bảng 2: So sánh chỉ số và thứ hạng PCI năm 2012 và năm 2015

STT	Nội dung Năm	2012		2015		Tăng giảm điểm	Tăng giảm thứ hạng
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng		
1	Gia nhập thị trường	9.05	21	8.41	34	-0.64	-13
2	Tiếp cận đất đai	5.78	53	6.13	23	0.35	30
3	Tính minh bạch	4.8	59	6.49	19	1.69	40
4	Chi phí thời gian	6.1	23	7.48	12	1.38	11
5	Chi phí không chính thức	7.22	13	5.88	15	-1.34	-2
6	Tính năng động	2.93	58	5.78	7	2.85	51
7	Hỗ trợ doanh nghiệp	4.14	33	5.26	47	1.12	-14
8	Đào tạo lao động	5.33	44	6.65	11	1.32	33
9	Thiết chế pháp lý	3.17	44	6.28	15	3.11	29
10	Cạnh tranh bình đẳng	-		5.65	12		
	Điểm số PCI	55.15		62.56		7.41	
	Xếp hạng toàn quốc		43		4		39
	Nhóm xếp hạng		Khá		Rất tốt		

